

Số: **360/2020/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 322/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1993;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn*: Anh Trần Văn N, sinh năm 1986;
Nghề nghiệp: Lao động tự do;
Địa chỉ: Số nhà 02, tổ 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị H và Anh Trần Văn N.
2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về con chung: Giao cháu Trần Đỗ Quốc V, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2014 cho Anh Trần Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục. Chị Đỗ Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Trần Đỗ Quốc V, mức cấp dưỡng:

1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 11 năm 2020 cho đến khi cháu Trần Đỗ Quốc V đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng: Thực hiện định kỳ hàng tháng. Chị H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

“Trường hợp bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

- Về tài sản, đất đai chung; vay nợ chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị H tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung; tổng số tiền án phí chị Hậu phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000672, ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Trần Văn N không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền

